

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của trường Mầm non Thủy Tiên 2

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 10099/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Bình chánh về giao chỉ tiêu dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2022 cho trường Mầm non Thủy Tiên 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của trường Mầm non Thủy Tiên 2 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, cán bộ, giáo viên, công nhân viên của Trường Mầm non Thủy Tiên 2 tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng tài chính;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Võ Thị Thanh Tâm

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính
Đơn vị: **TRƯỜNG MẦM NON THỦY TIÊN 2**

Chương: **622-071**

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 17/QĐ-TT2 ngày 12/01/2022 của Trường Mầm non Thủy Tiên 2

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5.649
1	Số thu phí, lệ phí	5.649
1.1	Lệ phí	0
1.2	Phí	0
1.3	Thu sự nghiệp	5.649
1.31	Thu học phí	356
	Thu học phí	356
1.3.2	Thu thỏa thuận	2.451
2	Công phục vụ ăn sáng	345
3	Quản lý và phục vụ bán trú	1.093
4	Tiếng Anh	229
5	Nhịp điệu	143
6	Vẽ	143
7	Thiết bị bán trú	77
8	Vệ sinh bán trú	78
9	Tiền công nhân viên nuôi dưỡng NQ 04	345
1.3.3	Thu hộ	2.841
1	Nước uống học sinh	52
2	Bảo Hiểm Tai Nạn	17
3	Ăn sáng	689
4	Ăn trưa	2.010
5	Sữa học đường	
6	Học phẩm	73
1.3.4	Thu khác	0
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	5.649
3.3	Chi học phí	356
3.4	Chi sự nghiệp	5.293
3.4.1	Chi thỏa thuận	2.451
2	Công phục vụ ăn sáng	345
3	Quản lý và phục vụ bán trú	1.093
4	Tiếng Anh	229



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Nhịp điệu	143
6	Nhịp điệu	143
7	Thiết bị bán trú	77
8	Vệ sinh bán trú	78
9	Tiền công nhân viên nuôi dưỡng NQ 04	345
3.4.2	Chi hộ	2.841
1	Nước uống học sinh	52
7	Bảo Hiểm Tai Nạn	17
8	Ăn sáng	689
9	Ăn trưa	2.010
11	Sữa học đường	0
11	Học phẩm	73
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	4.873
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.873
Mục 6000	Luong:	1.143
6001	Luong theo ngạch bậc được duyệt	1.143
Mục 6100	Phụ cấp	1.080
6101	Chức vụ	30
6105	PC thêm giờ	189
6112	PC ưu đãi nghề	425
6115	Phụ cấp TNVK, thâm niên nghề	106
6116	PC đặc biệt của ngành - NQ01	330
Mục 6300	Các khoản đóng góp:	300
6301	Bảo hiểm xã hội	224
6302	Bảo hiểm y tế	38
6303	Kinh phí công đoàn	26
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	13
Mục 6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân:	578
6449	Chi khác: NQ03	578
Mục 6500	Thanh toán Dịch vụ công cộng:	225
6501	Tiền điện	110
6502	Tiền nước	95
6504	Tiền vệ sinh môi trường	20
Mục 6550	Vật tư văn phòng :	125
6551	Văn phòng phẩm	55

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6552	Mua sắm công cụ,dụng cụ văn phòng	30
6599	Vật tư văn phòng khác	40
Mục 6600	Thông tin, truyền tin, liên lạc:	47
6601	Cước phí điện thoại trong nước	13
6605	internet;thuê đường truyền mạng cáp	3
6608	sách,báo,tạp chí cho thư viện	17
6618	Khoản điện thoại	15
Mục 6700	Công tác phí:	18
6704	Khoản công tác phí	18
Mục 6750	Chi phí thuê mướn;	698
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	10
6757	Thuê lao động trong nước	358
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	40
6799	Chi phí thuê mướn khác	290
Mục 6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ phục vụ CT	350
	duy tu,bảo dưỡng các công trình CSHT:	
6907	Nhà cửa	150
6912	Các thiết bị công nghệ	40
6913	Tài sản các thiết bị văn phòng	30
6921	Đường điện, cấp thoát nước	40
6949	Sử chữa các TSCĐ và công trình hạ tầng cơ sở khác	90
Mục 6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	150
6999	Tài sản và thiết bị khác	150
Mục 7000	Chi phí nghiệp vụ CM của từng ngành:	160
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư chuyên môn	80
7012	Chi thanh toán hợp đồng thực hiện NVCM	50
7049	Chi phí khác (hợp đồng thực hiện nghiệp vụ chuyên môn)	30
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0

Ngày 12 tháng 01 năm 2022

KÊ TOÁN

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Hồng Quyên

HIỆU TRƯỞNG



Võ Thị Thanh Tâm

1952

1

1952



BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

Thời gian: Hôm nay vào lúc 8 giờ 00 ngày 12 tháng 01 năm 2022

Địa điểm: Tại trường Mầm non Thủy Tiên 2

Thành phần tham dự:

Bà Võ Thị Thanh Tâm	– Hiệu trưởng
Bà Phan Ngọc Hân	– Phó Hiệu trưởng
Bà Nguyễn Thị Hồng Quyên	– Kế toán
Bà Lê Thị Thùy Dương	– Thư ký
Bà Bùi Thị Diệu Hiền	– Chủ tịch Công đoàn.
Bà Trần Lục Hồng Huyền	– Ban thanh tra nhân dân

NỘI DUNG:

1. Trường Mầm non Thủy Tiên 2 đã tiến hành niêm yết công bố công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2022.

(Quyết định số 17/QĐ-TT2 Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022; biểu mẫu 02)

2. Thời gian niêm yết:

Niêm yết tại bảng tin trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện niêm yết.

3. Địa điểm: Phòng hành chính – kế toán

Trong thời gian niêm yết, mọi thắc mắc, khiếu nại có liên quan đến nội dung công khai, người thắc mắc, khiếu nại thực hiện văn bản hoặc liên hệ bộ phận tiếp công dân của nhà trường để được xem xét giải quyết.

Thư ký



Lê Thị Thùy Dương

Chủ tịch công đoàn



Bùi Thị Diệu Hiền

Hiệu trưởng



Võ Thị Thanh Tâm

